BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NGÀNH DƯỢC HỆ LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG MÔN LÝ THUYẾT TỔNG HỢP NĂM 2020

1. Những nội dung chính sinh viên phải trình bày được khi thi

1.1. Đại cương về bệnh (liên quan đến nhóm thuốc), nguyên tắc và phác đồ điều trị

1.2. Đại cương về nhóm thuốc

- Đặc điểm về cấu trúc chung của nhóm.
- Phân loại.
- Tác dụng, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng chung của cả nhóm (nếu có).
- Tác dụng không mong muốn.
- Chỉ định điều trị.

1.3. Các thuốc cụ thể

1.3.1. Thuốc có nguồn gốc hoá dược

- Tên quốc tế, tên khác (nếu có).
- Nguồn gốc.
- Liên quan giữa cấu trúc hoá học với tác dụng dược lý (nếu có).
- Tính chất lý hoá.
- Phương pháp kiểm nghiệm dược chất.
- Tác dụng và cơ chế tác dụng.
- Dược động học (nếu có).
- Chỉ định điều trị.
- Tác dụng không mong muốn.
- Chống chỉ định.
- Dạng bào chế và biệt dược thường gặp (hoặc công thức điển hình):
    + Đặc điểm công thức.
    + Vai trò các thành phần.
    + Kỹ thuật bào chế.
- Các quy chế liên quan:

+ Qui định quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt (Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017).

+ Qui định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ Hướng dẫn sử dụng thuốc (Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18 tháng 1 năm 2018).

+ Hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh (Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2011).

+ Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú (Thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 18/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 8 năm 2018).

1.3.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu

- Tên cây thuốc *(tên, họ Việt Nam; tên, họ la tinh)*.
- Phân bố.
- Bộ phận dùng.
- Kể tên các thành phần hóa học chính.
- Phương pháp kiểm nghiệm
- Phương pháp chế biến và bảo quản.
- Công dụng, cách dùng và liều dùng.

2. Những nhóm thuốc và thuốc cụ thể

2.1. Thuốc có nguồn gốc hoá dược

TT	Nhóm thuốc	Tên thuốc
1	Thuốc giảm đau không opi, hạ sốt, chống viêm không steroid	Aspirin (Acid acetyl salicylic)
		Paracetamol (Acetaminophen)
		Meloxicam
2	Thuốc giảm đau loại opi	Morphin
		Pethidin
3	Thuốc lợi tiểu	Furosemid
		Hydroclorothiazid
4	Thuốc tim mạch (thuốc điều trị đau thắt ngực, tăng huyết áp, suy tim)	Nifedipin
		Atenolol
		Enalapril
5	Thuốc chống dị ứng (kháng histamin - ức chế thụ thể H1)	Clorpheniramin
		Loratadin
6	Kháng sinh	
6.1	Kháng sinh nhóm betalactam	Benzyl penicilin (Penicilin G)
		Amoxicilin + Acid Clavulanic
		Cefuroxim
		Cefotaxim
		Imipenem
6.2	Kháng sinh nhóm aminosid	Amikacin
		Gentamicin

TT	Nhóm thuốc	Tên thuốc
6.3	Kháng sinh nhóm macrolid	Erythromycin
		Azithromycin
6.4	Các chất kháng khuẩn nhóm quinolon	Ciprofloxacin
		Levofloxacin
7	Thuốc điều trị lao	Isoniazid
		Rifampicin
		Streptomycin
8	Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng	Omeprazol
		Ranitidin
9	Thuốc hạ đường huyết	Metformin
		Gliclazid

2.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu

TT	Dược liệu	TT	Dược liệu
1	Actiso	10	Ong mật
2	Củ mài	11	Rau má
3	Gừng	12	Sài đất
4	Hà thủ ô đỏ	13	Sắn dây
5	Hương nhu tía	14	Sả chanh
6	Lô hội	15	Tam thất
7	Mức hoa trắng	16	Thảo quyết minh
8	Nhân sâm	17	Tràm
9	Ngưu tất	18	Ý dĩ

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải